TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2018/HSST
Ngày: 22/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điểu và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Văn Minh H - sinh năm 1977, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: 12A , phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn Tấn T - sinh năm 1947 và con bà Trần Thị L - sinh năm 1950; Có vợ Trần Thị T - sinh năm 1978 (đã ly hôn), có 02 con sinh năm 2004 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam: ngày 26/6/2017; Thay thế biện pháp ngăn chặn: ngày 05/10/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Vợ chồng Nguyễn Đức C - sinh năm 1952 và Nguyễn Thị H – sinh năm 1956. Trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Đặng Vũ Văn T – sinh năm 1985; Trú tại: Khu phố N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt

2/ Chị Đặng Thị Minh S – sinh năm 1972; Trú tại: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt

3/ Ông Lê Bá T – sinh năm 1959; Trú tại: KP. L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1/ Ông Đỗ Duy L – sinh năm 1966. Trú tại: thôn B, xã A, huyện T, Phú Yên; Vắng mặt.

2/ Ông Lê Văn L – sinh năm 1972; Trú tại: KP. N, TT. C, huyện T, Phú Yên; Vắng mặt.

3/ Ông Phan Thành L – sinh năm 1967; Trú tại: KP. C, TT. C, huyện T, Phú Yên; Vắng mặt.

4/ Ông Lê Đào Hồng Đ – sinh năm 1986; Trú tại: KP. C, TT. C, huyện T , Phú Yên; Vắng mặt.

5/ Ông Nguyễn Xuân H – sinh năm 1968; KP. C, TT. C, huyện T, Phú Yên; Vắng mặt.

6/ Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1963; Trú tại: thôn D, xã A, huyện T, Phú Yên; Có mặt.

7/ Ông Phan Thái S – sinh năm 1977; Trú tại: KP. T , TT. C , huyện T, Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 26-6-2017 Văn Minh H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78U1-3001 (dùng băng keo màu đen dán giả thành xe mô tô biển kiểm soát 78U1-8001) đi từ T ra A nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi đến trước cổng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T thì bị cáo H làm quen, nói chuyện với ông Nguyễn Văn L và biết được ông L đang chờ vợ chồng C, H’ rút tiền trong Ngân hàng để trả tiền công làm mía, nên H chủ động theo dõi. Sau khi biết được ông L và vợ chồng C, H’ chuẩn bị đi đến quán cơm C để ăn cơm và tính tiền công làm mía, H đi đến quán cơm C trước để ăn cơm và theo dõi. Đến khoảng 10 giờ 10 phút cùng ngày, tại quán cơm C, lợi dụng sơ hở, từ phía sau H nhanh chóng thò tay giật túi xách của bà H’ để dưới chân, bên trong có các tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Masstel F20 bên trong có sim Viettel và thẻ nhớ dung lượng 2GB, 01 túi xách, 01 ví da, 01 máy tính cầm tay và số tiền mặt 76.300.000 đồng rồi nhanh chóng dùng xe mô tô tẩu thoát thì bị người dân bắt giữ và giao cho Cơ quan Công an giải quyết.

Bản kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐ ngày 07/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Văn Minh H cướp giật là 77.175.000đ.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 26/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Văn Minh H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Văn Minh H khai nhận hành vi phạm tội; xin lỗi người bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt;

- Người bị hại ông Nguyễn Đức C, bà Nguyễn Thị H' khai về tình tiết vụ án diễn ra như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị xử theo pháp luật, không yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản". Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Văn Minh H từ 15 đến 18 tháng tù. Về dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xét. Về vật chứng: 02 điện thoại di động, số tiền 290.000đ, 01 đồng hồ đeo tay, 01 nhẫn kim loại, 01 áo khoác và 01 mũ bảo hiểm đã tạm giữ của bị cáo H, các tài sản này không phải công cụ thực hiện phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo H. Các vật chứng khác Cơ quan điều tra Công an huyện T đã xử lý theo đúng quy định pháp luật nên không xét.

- Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Văn Minh H tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu là chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 26/6/2017, tại quán cơm C thuộc khu phố C, thị trấn C, huyện T, khi phát hiện bà Nguyễn Thị H' để túi xách dưới đất ngay chân của bà H'. Văn Minh H tiếp cận từ phía sau lưng, giật lấy túi xách và lên xe môtô tẩu thoát, thì bị bắt quả tang. Tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 điện thoại di động hiệu Masstel F20 bên trong có sim Viettel và thẻ nhớ dung lượng 2GB, 01 túi xách, 01 ví da, 01 máy tính cầm tay và số tiền mặt 76.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 77.175.000 đồng.

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên vì mục đích tư lợi và thái độ coi thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 26/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Văn Minh H về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm g khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản cướp giật đã trả lại cho người bị hại nên xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải, có quá trình 18 năm công tác trong ngành giáo dục nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên thì mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: 02 điện thoại di động, số tiền 290.000đ, 01 đồng hồ đeo tay, 01 nhẫn kim loại, 01 áo khoác và 01 mũ bảo hiểm đã tạm giữ của bị cáo H, các tài sản này không phải công cụ thực hiện phạm tội nên HĐXX trả lại cho bị cáo H. Đối với xe môtô nhãn hiệu Taurus, Cơ quan điều tra đã chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an thành phố T để giải quyết vụ án khác và biển số xe 78U1-3001 đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

Các vật chứng khác Cơ quan điều tra Công an huyện T đã xử lý theo đúng quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Văn Minh H bị kết án phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Văn Minh H phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 136; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Văn Minh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/10/2017).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Văn Minh H: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn nhiệu HUAWEI, màu vàng, số imei 1: 863547034686226, số imei 2: 863547034726238 (màn hình bị rạn nứt góc trên bên trái); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300, màu vàng, made in Finland 353669/01/555309/7; số tiền 290.0000đ; 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu vàng, nhãn hiệu Neos; 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 áo khoác màu đen – trắng, có viền màu đỏ, loại áo dài tay và 01 mũ bảo hiểm trùm đầu, có kính chắn gió, màu đen (theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27-10-2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Văn Minh H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thanh Tùng

* ***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Công an huyện Tuy An;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.